TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST
Ngày: 10-01-2020
V/v: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lù Văn Quý;

2. Ông Quàng Văn Pậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Giang – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2019/QĐXXST HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tòng Thị Đ, sinh ngày 13/8/1977; nơi ĐKHKTT: Bản L, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; hiện cư trú tại: Bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Quang H, sinh ngày 07/7/1977; nơi ĐKHKTT: Tổ 2, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú tại: Bản C, phường Chiềng C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Hiện đang bị Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh S, theo Quyết định số: 13/QĐ-TA, ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Tòng Thị Đ trình bày:

Chị Tòng Thị Đ và anh Bùi Quang H đăng ký kết hôn lần 1 năm 1997 trên cơ sở tự nguyện. Kể từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H chơi bời, nghiện ma túy, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên đã ly hôn. Sau khi ly hôn, do thương con và anh H hứa sẽ từ bỏ ma túy nên ngày 05/05/2008 chị Đ đăng ký kết hôn lại với anh H tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S. Tuy nhiên sau khi kết hôn lại, chị Đ đã tạo cơ hội cho anh H đi cai nghiện ma túy nhiều lần, nhưng anh H vẫn tiếp tục tái nghiện ma túy, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Khi chị Đ đặt vấn đề ly hôn thì anh H đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của chị Đ và các con chung của chị và anh H. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu lớn Bùi Trung H, sinh ngày 24/3/1998, đã trưởng thành, đã tốt nghiệp đại học, có việc làm, nên không yêu cầu Tòa giải quyết; cháu nhỏ Bùi Thái H, sinh 24/5/2008, chị Đ đề nghị đ- ợc trực tiếp nuôi d- ỡng và chăm sóc, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, do anh H đang cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh S.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Đối với bị đơn anh Bùi Quang H, Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần tại cơ sở nơi anh H đang cai nghiện bắt buộc. Tại bản tự khai, bản lấy lời khai cũng như hòa giải, anh H đều xác nhận:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận đúng như chị Đ khai, nhưng không công nhận mâu thuẫn vợ chồng nh- lời trình bầy của chị Đ, đồng thời xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng, nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị Đ kiên quyết ly hôn, là việc của chị Đ, anh H không ký biên bản hòa giải, và cũng không tham gia phiên tòa.

Về con chung: Anh H khẳng định anh chị có 2 con chung đúng như chị Đ khai. Tuy nhiên, vì không nhất trí ly hôn, anh H không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Nếu chị Đ kiên quyết ly hôn, thì anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết; nợ chung, nợ riêng: Không có.

Ý kiến của các con chung của chị Đ anh H: cháu thứ nhất Bùi Trung H, sinh ngày 24/3/1998, đã trưởng thành, đã tốt nghiệp đại học; cháu nhỏ Bùi Thái H, sinh 24/5/2008, xin được ở với mẹ là chị Tòng Thị Đ.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ;

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015: Chấp thuận với yêu cầu được ly hôn của chị Tòng Thị Đ; giao cháu Bùi Thái H để cho chị Tòng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết; tài sản riêng không có; nợ chung, cả hai đều cam đoan không có nợ chung; buộc chị Đ chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền: Chị Tòng Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung, nên thuộc tranh chấp Ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Quang H cư trú tại thành phố Sơn La , tỉnh Sơn La, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Bùi Quang H: Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Quang H không ký biên bản hòa giải cũng như không ký nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và yêu cầu không tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Thông tư liên tịch số 03-NCPL ngày 03/03/1966 của Tòa án nhân dân Tối Cao về trình tự giải quyết việc ly hôn, xét xử vắng mặt anh Bùi Quang H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Tòng Thị Đ và anh Bùi Quang H sau khi ly hôn lần thứ nhất, đã kết hôn lại lần thứ hai vào ngày 05/05/2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Kết quả xác minh tại địa phương nơi chị Đ và anh H cư trú: Trưởng bản C và đại diện Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, đều xác nhận: Anh Bùi Quang H là đối tượng nghiện ma túy, thời gian anh Huy đi cải tạo cũng như đi cai nghiện ma túy nhiều hơn thời gian sống tại địa phương. Kết quả xác minh này phù hợp với thực tế, hiện anh Bùi Quang H đang thực hiện cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh S, ngày vào cơ sở: 18/02/2019, khu C5 -> C7 theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai

ngiện bắt buộc số: 13/QĐ-TA, ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

[2.3] Với các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bầy của chị Tòng Thị Đ về tình trạng hôn nhân của chị với anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là có căn cứ. Do đó nguyện vọng xin ly hôn của chị Đ là chính đáng, cần chấp nhận theo khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 và Thông tư liên tịch số 03-NCPL ngày 03/03/1966 của Tòa án nhân dân Tối Cao về trình tự giải quyết việc ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H có 02 con chung, cháu lớn Bùi Trung H, sinh ngày 24/3/1998, đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu cháu nhỏ Bùi Thái H, sinh 24/5/2008, nguyện vọng của cháu được ở với mẹ. Chị Đ cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét anh Bùi Quang H đang cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh S, do đó không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị Tòng Thị Đ và của cháu Bùi Thái H theo Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Tòng Thị Đ và anh Bùi Quang H đều đề nghị tự thỏa thuận về tài sản chung; tài sản riêng: không có; về nợ chung, anh H chị Đ cũng khẳng định không có nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ tài sản và nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Tòng Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Tòng Thị Đ như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị Đ được ly hôn anh Bùi Quang H.

2. Về con chung:

- Giao cháu Bùi Thái H, sinh 24/5/2008 cho chị Tòng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Bùi Thái H trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Bùi Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Án phí: Chị Tòng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phia đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004692, ngày 05/12/2019 của Chi cụ Thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn chị Tòng Thị Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/01/2020); bị đơn anh Bùi Quang H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lại Thị Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**